

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30/2026/HS-PT
Ngày 29 tháng 01 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Phùng Anh Dũng, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Quang Hưng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 175/2025/TLPT-HS ngày 01/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2025/HS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 368/2025/QĐXXPT-HS ngày 29/12/2025 của Tòa phúc Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo kháng cáo: Lê Thị Hồng H, sinh năm 1988, tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa), Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn Đ, xã P, tỉnh Khánh Hòa); Nghề nghiệp: làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Võ Thị Hồng H1; Chồng: Nguyễn Văn Đ và 02 người con; Tiền án, Tiền sự: Không; Tạm giữ: không; bị tạm giam từ ngày 23/4/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh K, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Hồng H: Luật sư Nguyễn Hà L1 và Luật sư Hoàng Văn D, thuộc Văn phòng L3, đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P Tòa G, phường C, Thành phố Hà Nội, 2 Luật sư có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. vợ chồng bà Bá Thị S, sinh năm 1985 và ông Quảng Đại Q, sinh năm 1987; cùng trú tại: thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn V, xã T, tỉnh Khánh Hòa), có mặt tại phiên tòa. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Lê Đình V, thuộc Công ty L4 – Chi nhánh S1; địa chỉ: Tầng F, số E Đồng Nai, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

2. bà Lưu Thị Kim T1, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn N, xã P, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

3. bà Võ Thị Bích H2, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn C, xã P, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. bà Đồng Thị Duyên A, sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu phố A, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là khu phố A, phường P, tỉnh Khánh Hòa) do ông Đồng Quốc D1 (sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn M, xã B, tỉnh Khánh Hòa) đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa.

2. bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là khu phố B, phường B, tỉnh Khánh Hòa), có mặt. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:* Luật sư Trần Đức H3 thuộc Công ty L5; địa chỉ: E C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt tại phiên tòa.

3. bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1961; nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là khu phố A, xã N, tỉnh Khánh Hòa), vắng mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Bá Văn A1 nhưng không kháng cáo, không bị kháng cáo và kháng nghị:

Bá Văn A1, sinh năm 1978, nơi cư trú: thôn H, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn H, xã P, tỉnh Khánh Hòa), hiện đã đi chấp hành án phạt tù.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Hồng H và Bá Văn A1 có mối quan hệ quen biết làm ăn với nhau thông qua hoạt động cho vay đáo hạn ngân hàng từ năm 2015. H và A1 vay mượn tiền với nhau và góp vốn chung để cho khách đáo hạn ngân hàng kiếm tiền lời, sau khi có tiền lời thì cùng chia nhau để hưởng lợi.

Từ khoảng tháng 11/2023, công việc làm ăn thua lỗ dẫn đến mất khả năng thanh toán các khoản nợ vay, do không còn tài sản nào khác để trả nợ và áp lực từ việc nợ nần nên H và A đã nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối đáo hạn ngân hàng để vay tiền người khác. Khi nhận được tiền vay, H và A1 chiếm đoạt dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Hồng H:

1.1. Chiếm đoạt tiền của Bá Thị S.

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ khoảng tháng 06/2023 nên H vay tiền của chị Bá Thị S nhiều lần với mục đích là đáo hạn ngân hàng, trong các lần vay H trả tiền gốc và lãi đúng thời hạn.

Tuy nhiên từ ngày 10/11/2023 đến ngày 21/11/2023, H đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nhằm tiếp tục vay được tiền của chị S nhưng sử dụng vào mục đích cá nhân khác. Do tin tưởng H như các lần trước nên chị S đã đồng ý cho H vay tiền. Các lần cho vay giữa H và chị S được giao nhận tiền mặt hoặc chuyển khoản, sau khi H nhận được đủ mỗi lần vay thì đều được làm Hợp đồng vay vốn và biên bản giao nhận tiền có chữ ký xác nhận của hai bên, thời hạn vay là 12 ngày; việc ký hợp đồng, chuyển tiền qua tài

khoản hoặc giao nhận tiền mặt giữa H và chị S được thực hiện chủ yếu tại nhà của chị S và các quán cà phê, gần trụ sở các ngân hàng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/11/2023, chị S cho H vay 600.000.000 đồng. Trong đó, chị S chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng V1 số 100600688877 mang tên Q Q (là chồng của S) đến tài khoản Ngân hàng V1 (cũng là số tài khoản số 105878153975) của H là 110.000.000 đồng, còn lại 490.000.000 đồng chị S giao bằng tiền mặt tại nhà chị S và H nộp này vào tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912. Sau đó, từ số tài khoản trên chuyển trả nợ cho Bá Văn A1 600.000.000 đồng thông qua tài khoản số 6150170162.

Lần 2: Ngày 13/11/2023, chị S cho H vay 600.000.000 đồng, trong đó 300.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản ngân hàng V1 số 100600688877 và 300.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản ngân hàng V2 số 9833078780 đều mang tên Quảng Đại Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H, rồi nhập cùng số tiền vào có sẵn trong tài khoản là 4.221.007.473 đồng, tổng cộng số dư là 4.821.007.473 đồng. Sau đó, H chuyển trả nợ cho Bá Văn A1 2.323.000.000 đồng thông qua tài khoản số 6150170162. Còn lại H trả nợ cho nhiều người khác không xác định được cụ thể cho ai, trong đó có 600.000.000 đồng chiếm đoạt của Bá Thị S.

Lần 3: Ngày 15/11/2023, chị S cho H vay là 1.700.000.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản ngân hàng V1 số 100600688877 và 400.000.000 đồng được chuyển từ tài khoản ngân hàng V2 số 9833078780 đều mang tên Quảng Đại Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H, còn lại 700.000.000 đồng chị S giao bằng tiền mặt cho H tại nhà của S. Sau khi nhận được tiền chị Lâm Thị Ngọc B (bạn của H) có mượn H 377.090.000 đồng, khoảng 02 phút sau thì chị B sử dụng chính số tiền này trả lại cho H cùng với số tiền H mượn thêm là 410.000.000 đồng. Sau đó, H trả nợ cho bà Huỳnh Thị N thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 số 6150831405 mang tên Huỳnh Văn H4 1.727.000.000 đồng, trong đó có 1.700.000.000 đồng chiếm đoạt của Bá Thị S.

Lần 4: Ngày 16/11/2023, chị S cho H vay là 830.000.000 đồng. Trong đó, chị S chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng V1 số 100600688877 mang tên Q Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H là 700.000.000 đồng, còn lại 130.000.000 đồng được chị S giao bằng tiền mặt cho H tại nhà của S. Sau đó, H chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 của H số 6150570373 là 700.000.000 đồng, rồi nhập cùng với có sẵn trong tài khoản là 1.243.676.565 đồng, tổng cộng là 1.943.676.565 đồng. H chuyển trả cho bà Huỳnh Thị N thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 mang tên Huỳnh Văn H4 1.927.000.000 đồng, trong đó có 700.000.000 đồng chiếm đoạt của Bá Thị S, còn lại 130.000.000 đồng thì H tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những ai không rõ.

Lần 5: Ngày 17/11/2023, chị S cho H vay là 3.500.000.000 đồng. Trong đó, chị S chuyển từ tài khoản Ngân hàng V1 số 100600688877 mang tên Q Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H là 2.350.000.000 đồng; chuyển từ tài khoản Ngân hàng V2 số 9833078780 mang tên Q Q đến tài khoản Ngân hàng V1 của H số 0399579912 là 450.000.000 đồng; chuyển từ tài khoản Ngân hàng Đ2 (B1) số 6150427956 mang tên Quảng Đại Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số

0399579912 là 200.000.000 đồng. Còn lại là 500.000.000 đồng chị S giao bằng tiền mặt cho H tại nhà của S. Nhận số tiền mặt trên, H nộp vào tài khoản Ngân hàng V2 số 0811000054311 của H là 480.000.000 đồng. Sau đó, H chuyển hết 3.480.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng B1 của H số 6150570373 và chuyển trả cho bà Huỳnh Thị N thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 mang tên Huỳnh Văn H4 3.435.840.000 đồng, còn lại 64.160.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng tiền mặt và 44.160.000 đồng trong tài khoản) H tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những ai không rõ.

Lần 6: Ngày 18/11/2023, chị S cho H vay là 750.000.000 đồng. Trong đó, chị S chuyển từ tài khoản Ngân hàng V1 số 100600688877 mang tên Q Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H là 150.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng được chị S giao bằng tiền mặt cho H tại nhà của S, rồi H nộp tiền này vào tài khoản Ngân hàng A5 số 1818111818 của H. Sau đó, H chuyển hết tiền qua tài khoản ngân hàng B1 của H số 6150570373 là 750.000.000 đồng nhập cùng với tiền có sẵn trong tài khoản là 3.917.756 đồng, rồi chuyển trả nợ cho chị Đồng Thị Duyên A thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 số 6150144778 của chị A là 700.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị L2 thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V1 số 103867393992 mang tên Lê Văn H5 42.660.000 đồng, còn lại 7.340.000 đồng H sử dụng vào mục đích cá nhân.

Lần 7: Khoảng 9h ngày 21/11/2023, chị S cho H vay là 2.500.000.000 đồng. Trong đó, chị S chuyển tiền từ tài khoản Ngân hàng B1 số 6150427956 mang tên Q Q đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0399579912 của H là 2.400.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng được chị S giao bằng tiền mặt cho H tại nhà S. Sau đó, H chuyển 2.400.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng B1 của H số 6150570373 nhập cùng với số tiền có sẵn trong tài khoản là 1.419.848 đồng, tổng cộng là 2.401.419.848 đồng. Sau khi nhận tiền, bạn của H tên là Nguyễn Thị Thu T2 hỏi mượn 1.500.000.000 đồng, H dùng tài khoản ngân hàng B1 chuyển cho T2, đến khoảng 14h cùng ngày T2 chuyển trả lại cho H 1.507.000.000 đồng. Lúc này trong tài khoản ngân hàng B1 của H có 2.407.909.945 đồng, H chuyển trả nợ cho bà Huỳnh Thị N thông qua chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng B1 mang tên Huỳnh Văn H4 2.339.000.000 đồng (trong đó có chiếm đoạt của Bá Thị S là 839.000.000 đồng, riêng 1.500.000.000 đồng mà chị T2 chuyển trả lại cho H thì không xác định được đây là tiền do H chiếm đoạt hay là khoản tiền khác). Còn lại 161.000.000 đồng H tiêu xài cá nhân và trả nợ cho những ai không rõ.

Trong khoảng thời gian từ ngày 21/11/2023 đến ngày 04/12/2023, do chị S liên tục yêu cầu H trả tiền thì H đều đưa ra nhiều lý do khát nợ không đúng sự thật, chị S tìm gặp thì H cố tình lẫn trốn. Sau khi tìm hiểu biết được H sử dụng tiền vay của mình để trả nợ và thấy có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt số tiền vay nên chị S đã gửi đơn tố giác đến cơ quan Công an.

Xác định Lê Thị Hồng H chiếm đoạt của Bá Thị S tổng cộng 07 lần, là 10.480.000.000 đồng (Mười tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng).

1.2 Trường hợp chiếm đoạt tiền của chị Lưu Thị Kim T1.

Chị T1 và H quen biết nhau từ năm 2020 do ở cùng xã. Vào trước ngày 08/11/2023 thì H có gọi điện thoại cho chị T1 đề nghị chị T1 cho vay tiền để H

cho khách vay đáo hạn ngân hàng. H cam kết ngay sau khi đáo hạn xong cho khách hàng sẽ chuyển trả lại cho chị T1 toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi.

Vì tin tưởng H nên vào ngày 08/11/2023, chị T1 đã cho H vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng), thời hạn vay là 12 ngày và lãi suất thỏa thuận là 01%/tháng. Sau khi giao nhận tiền xong thì chị T1 và H có làm hợp đồng vay vốn tại quán C và biên bản giao nhận tiền là 2.000.000.000 đồng, sau đó hai bên cùng ký xác nhận và lặn tay, mỗi bên giữ một bản gốc, rồi cả hai đến Phòng giao dịch Ngân hàng V3 tại thị trấn P, huyện N để giao dịch, cụ thể:

Lần 1: Chị T1 chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng V2 số 2232126868 mang tên chị T1 đến tài khoản Ngân hàng B1 số 61510000570373 của H là 450.000.000 đồng, rồi nhập cùng với số tiền có sẵn trong tài khoản của H là 3.775.607.087 đồng, tổng cộng là 4.225.607.087 đồng. Sau đó, H chuyển trả nợ cho ông Quảng Đại T3 là 500.000.000 đồng bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng V1 số 104872766100.

Lần 2: Chị T1 tiếp tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng V4 số 0367268627 mang tên chị T1 đến tài khoản Ngân hàng B1 của H số 61510000570373 là 723.000.000 đồng.

Số tiền còn lại là 827.000.000 đồng, chị T1 giao bằng tiền mặt cho H tại quán cà phê gần ngân hàng A5 chi nhánh huyện N. Sau đó, H đã nộp số tiền này vào tài khoản của H tại ngân hàng A5 và nhập cùng với số tiền có sẵn trong tài khoản A5 rồi chuyển đến tài khoản Ngân hàng B1 số 61510000570373 của H là 1.100.000.000 đồng. Lúc này, trong tài khoản BIDV của H có tổng cộng 5.548.547.185 đồng. Sau đó, H chuyển trả nợ cho Bá Văn A1 4.300.000.000 đồng thông qua chuyển khoản ngân hàng, trả cho S là 700.000.000 đồng chuyển qua tài khoản của Quảng Đại Q, còn lại là 548.547.285 đồng.

Trong số 2.000.000.000 đồng mà H chiếm đoạt của chị T1 thì H không xác định được trả nợ cho Quảng Đại T3, Bá Văn A1 và Bá Thị S cụ thể cho ai từng khoản tiền là bao nhiêu, do trước đó H nhập vào cùng số tiền của mình có sẵn trong tài khoản.

Đến ngày 20/11/2023, khi đến hạn nhưng không thấy H trả tiền nên chị T1 có hỏi H thì H nói đang chờ ngân hàng giải ngân, sau đó chị T1 tiếp tục liên lạc với H để yêu cầu trả tiền thì H đưa ra lý do hồ sơ vay vốn ngân hàng bị sai nên chưa đủ điều kiện để giải ngân. Đến ngày 04/12/2023, chị T1 gặp trực tiếp thì H nói số tiền vay H đã sử dụng để góp vốn làm ăn với ông Bá Văn A1 và bà Huỳnh Thị N chứ không phải cho khách làm đáo hạn ngân hàng, hiện không còn khả năng trả nợ. Sau đó, thấy H bỏ đi khỏi địa phương và không liên lạc được nên chị T1 đã làm đơn tố giác đến Cơ quan Công an về hành vi lừa đảo của H.

Như vậy, Lê Thị Hồng H chiếm đoạt của 02 bị hại với tổng số tiền 12.480.000.000 đồng, trong đó của bà Bá Thị S 10.480.000.000 đồng, của bà Lưu Thị Kim T1 2.000.000.000 đồng.

2. Đối với hành vi phạm tội của Bá Văn A1 chiếm đoạt tiền của Võ Thị Bích H2:

Do có mối quan hệ tình cảm với Lê Thị Hồng H nên vào giữa tháng 11/2023, H hỏi vay tiền của Bá Văn A1 với mục đích đáo hạn ngân hàng. Sau khi H hỏi

vay tiền của vay tiền, bản thân Anh không có tiền cho H vay nên A1 đã tìm cách vay tiền của người khác để đưa cho H và Bá Văn A1 đã hỏi vay tiền của chị Võ Thị Bích H2.

Để chị H2 tin tưởng, Anh lấy lý do là cho Anh vay để đáo hạn ngân hàng S2 - Chi nhánh N5, lãi suất thỏa thuận 2.000đ/1.000.000đ/ngày; Anh viết giấy cam kết với chị H2 là ngay sau khi ngân hàng giải ngân sẽ chuyển trả lại cho chị H2 toàn bộ số tiền đã vay cùng với lãi suất vào ngày 27/11/2023. Ngày 23/11/2023, H2 sử dụng số tài khoản 4907205108396, tại Ngân hàng N6 (gọi tắt là A6) - Chi nhánh N, chuyển sang số tài khoản 61510000170162 của Bá Văn A1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ2 Chi nhánh N5 7 lần tổng cộng 3.300.000.000 đồng (làm tròn), còn 3,6 tỷ đồng thì H2 giao tiền mặt cho Bá Văn A1 tại nhà H2. Sau khi nhận được tiền, ngày 23/11/2023, Bá Văn A1 chuyển qua tài khoản số 61510000570373 của H 2 tỷ đồng, số còn lại 4,9 tỷ đồng, Anh rút tiền mặt đưa cho H. Ngày 24/11/2023, Bá Văn A1 nhận của H2 04 lần tổng cộng 1.699.999.997đồng (làm tròn 1.700.000.000 đồng) chuyển từ số tài khoản 4907205108396 của H2 sang số tài khoản 61510000170162 của Bá Văn A1.

Sau khi nhận được 1.700.000.000 đồng thì vào chiều ngày 24/11/2023, A1 chuyển trả lại cho chị H2 số tiền gốc là 300.000.000 đồng thông qua số tài khoản số 4907205108396 và trả cho chị Đồng Thị Duyên A là 1.000.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản của A vào tài khoản ngân hàng B1 số 6150800140 của bà Đặng Thị T4 (là mẹ của chị A), đây là khoản nợ mà Anh đã nợ của chị Duyên A trước đây.

Còn lại là 400.000.000 đồng, A tiếp tục sử dụng để chuyển trả tiền lãi cho chị Đồng Thị Duyên A, đồng thời sử dụng trả nợ cho một số người khác, tiêu xài cá nhân nhưng không xác định được từng khoản tiền cụ thể đã trả nợ và tiêu xài là bao nhiêu, cho đến nay đã sử dụng hết.

Trong thời gian từ ngày 24/11/2023 đến 28/11/2023, H lấy từ số tiền gốc vay 6,9 tỷ đồng của chị Võ Thị Bích H2 đưa lại cho Bá Văn A1 trả nợ cho H2 gốc là 350.000.000 đồng.

Do A1 sử dụng tiền vay trả nợ và tiêu xài cá nhân, đồng thời H mất khả năng trả nợ thì A1 cũng không có khả năng trả số tiền đã vay cho chị H2 nên Bá Văn A1 đã bỏ trốn khỏi địa phương. Hiện Bá Văn A1 còn nợ của Võ Thị Bích H2 tổng cộng là 7.950.000.000đồng (trong đó có 6.550.000.000đồng Anh vay của H2 đưa cho H sử dụng và 1,4 tỷ đồng tiền Anh sử dụng trả nợ).

Xác định Bá Văn A1 chiếm đoạt của chị Võ Thị Bích H2 1.400.000.000đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, xác định Lê Thị Hồng H sử dụng các số tài khoản Ngân hàng để giao dịch gồm: Số tài khoản số 0399579912, tại ngân hàng V1; số tài khoản số 6150570373, tại ngân hàng TMCP Đ2 (B1); số tài khoản số 0811000054311, tại Ngân hàng V2; số tài khoản số A, tại Ngân hàng Đ3 (A5) thuộc các Chi nhánh N5. Hiện trong tài khoản số 0399579912 còn lại: 145.569 đồng; số 6150570373 là: 3.947.897 đồng; số 1818111818 là 57,686 đồng, còn tài khoản số 0811000054311 không còn tiền. Bá Văn A1 sử dụng số tài khoản

61510000170162, tại Ngân hàng TMCP Đ2 (B1) - Chi nhánh N5. Hiện trong tài khoản này còn 22.615,727 đồng.

Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin vay tiền đáo hạn ngân hàng Lê Thị Hồng H đã chiếm đoạt tài sản của Bá Thị S 10.480.000.000 đồng; của Lưu Thị Kim T1 2 tỷ đồng. Bá Văn A1 chiếm đoạt của Võ Thị Bích H2 1.400.000.000 đồng.

* Về tạm giữ và xử lý vật chứng: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bồi thường tiền chiếm đoạt gồm: bà Bá Thị S yêu cầu 10.480.000.000 đồng; bà Lưu Thị Kim T1 yêu cầu 2 tỷ đồng.

Xác định: trong số tiền H chiếm đoạt của chị S, những người nhận và thụ hưởng gồm: Lê Thị Hồng H: 1.862.500.000 đồng; Bá Văn A1: 1.200.000.000 đồng; Huỳnh Thị N: 6.674.840.000 đồng; Nguyễn Thị L2: 42.660.000 đồng; Đồng Thị Duyên A: 700.000.000 đồng.

+ Võ Thị Bích H2 yêu cầu bồi thường tiền chiếm đoạt là 1.400.000.000 đồng, trong số tiền mà Bá Văn A1 chiếm đoạt của H2 thì Bá Văn A1 sử dụng 400.000.000 đồng, Đồng Thị Duyên A nhận 1.000.000.000 đồng.

Các bị cáo Lê Thị Hồng H, Bá Văn A1 đồng ý bồi thường cho các bị hại và các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra, Lê Thị Hồng H còn bị những người khác tố giác có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản gồm:

1. Bà Nguyễn Thị L2: 2.370.000.000 đồng;
2. Bà Trịnh Thị N1: 1.900.000.000 đồng.
3. Bà Văn Thị Ngọc N2: 600.000.000 đồng.
4. Chị Đồng Thị Duyên A: 7.246.500.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo Lê Thị Hồng H tố giác bà Huỳnh Thị N có hành vi Cho vay lãi nặng: 17 tỷ đồng; Huỳnh Thị N, Ngô Thị Phương T5, Huỳnh Văn T6 có hành vi Cường đoạt tài sản ép buộc H ký giấy nợ và ngày 16/09/2022 và ngày 30/11/2023 với tổng: 22.400.000.000 đồng. Huỳnh Thị N, Nguyễn Tấn Đ1 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản 800.000.000 đồng, thông qua việc cho bà Võ Thị H1 (mẹ H) làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng D4 (B1) - Chi nhánh N5.

Chị Đồng Thị Duyên A tố giác Bá Văn A1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 7.595.000.000 đồng.

Kết quả điều tra cho thấy các giao dịch giao, nhận tiền, ký giấy nợ, làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng giữa bị cáo Lê Thị Hồng H và những người nói trên; các giao dịch giữa Lê Thị Hồng H với Lâm Thị Ngọc B và Nguyễn Thị Thu T2; việc Đồng Thị Duyên A tố giác Bá Văn A1 lừa đảo thông qua vay mượn tiền, đây là những giao dịch, tranh chấp dân sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi trên.

Trong quá trình điều tra xác định bị cáo Bá Văn A1 có vay của chị Võ Thị Bích H2 là 6.550.000.000 đồng là để đáo hạn ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền này bị cáo A1 đã đưa cho Lê Thị Hồng H vay lại, H chưa có tiền để trả cho Anh nên A1 chưa có để trả cho chị H2; Anh không có ý thức chiếm đoạt số tiền này, do đó không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà đây là tranh chấp về dân sự.

Ngoài ra trong quá trình điều tra Bá Thị S có đơn tố giác Bá Văn A1, Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn H4, Huỳnh Văn T6, Cao Thị Như Ý và Nguyễn Thị Thủy A2 có hành vi lừa đảo, đồng phạm với Lê Thị Hồng H chiếm đoạt tiền; Lưu Thị Kim T1 tố giác Bá Văn A1 là đồng phạm tham gia lừa đảo chiếm đoạt tiền của T1. Kết quả điều tra cho thấy những người trên không tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng phạm với Lê Thị Hồng H và Bá Văn A1.

Bá Văn A1, Lê Thị Hồng H có đơn tố giác Nguyễn Thị Thị T7 và Nguyễn Thị T8 A2 có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt 2 tỷ đồng; Nguyễn Thị Hương D2 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1,3 tỷ đồng, Cơ quan điều tra đã ra có quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự thành nguồn tin báo về tội phạm khác để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 85/2025/HS-ST ngày 28/8/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

** Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thị Hồng H, Bá Văn A1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.*

** Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng H 15 (mười lăm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2024.*

** Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự:*

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng H bồi thường thiệt hại tiền chiếm đoạt cho bị hại vợ chồng bà Bá Thị S, ông Q Q là 1.862.500.000 đồng.

- Buộc những người nhận tiền mà bị cáo Lê Thị Hồng H chiếm đoạt phải có trách nhiệm nộp lại và trả cho vợ chồng bà Bá Thị S, ông Quảng Đại Q: Bá Văn A1 trả 1.200.000.000 đồng; Huỳnh Thị N trả 6.674.840.000 đồng; Nguyễn Thị L2 trả 42.660.000 đồng, Đồng Thị Duyên A trả 700.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng H bồi thường thiệt hại tiền chiếm đoạt cho bị hại Lưu Thị Kim T1: 2.000.000.000 đồng;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt với bị cáo Bá Văn A1, trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo Bá Văn A1, quyền và nghĩa vụ thi hành án, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Bị cáo Lê Thị Hồng H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vợ chồng bà Bá Thị S, ông Quảng Đại Q kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để làm rõ số tiền H chiếm đoạt của ông, bà bị cáo đã chuyển cho bà Huỳnh Thị N bao nhiêu, từ đó kê biên tài sản để truy thu trả lại ông, bà.

- Bị hại Võ Thị Bích H2 kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm liên quan đến phần bồi thường.

- Bị hại Lưu Thị Kim T1 kháng cáo về phần bồi thường dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N kháng cáo phần bồi thường dân sự.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị Duyên A3 kháng cáo phần bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận tất cả các kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thị Hồng H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Đó là xuất phát từ lòng tham và lợi dụng lòng tin của người khác, bằng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin cần vay tiền để làm đảo hạn ngân hàng, Lê Thị Hồng H đã chiếm đoạt của 02 bị hại với tổng số tiền 12.480.000.000 đồng, trong đó của vợ chồng bà Bá Thị S: 10.480.000.000 đồng và của bà Lưu Thị Kim T1 2.000.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt được Lê Thị Hồng H sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại cho các bị hại, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng H phạm vào “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo H thực hiện hành vi “Phạm tội 02 lần trở lên” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng cũng xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Samy 100 triệu đồng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó xử phạt bị cáo H 15 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của các bị hại và các Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các bị hại với cùng nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Cơ quan Điều tra có nhiều vi phạm trong quá trình điều tra và chưa làm rõ được số tiền bị cáo Lê Thị Hồng H chiếm đoạt của các bị hại bị cáo H chuyển cho ai để truy thu trả lại các bị hại, chưa làm rõ nhiều vấn đề khác, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ dòng tiền bị cáo Lê Thị Hồng H sau khi chiếm đoạt được của các bị hại đã chuyển cho một số người nên Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc Bá Văn A1 phải truy thu nộp để trả vợ chồng bà Bá Thị S số tiền 1.200.000.000 đồng; buộc bà Huỳnh Thị N phải truy thu nộp để trả vợ chồng bà Bá Thị S số tiền 6.674.840.000 đồng; buộc bà Nguyễn Thị L2 phải truy thu nộp để trả vợ chồng bà Bá Thị S số tiền 42.660.000 đồng; buộc bà Đồng Thị Duyên A phải truy thu nộp để trả vợ chồng bà Bá Thị S số tiền 700.000.000 đồng là có căn cứ. Số tiền còn lại bị cáo H chiếm đoạt của vợ chồng bà Bá Thị S 1.862.500.000 đồng; chiếm đoạt của bà Lưu Thị Kim T1 2.000.000.000 đồng do không có căn cứ về sự dịch chuyển của dòng tiền nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo H phải bồi thường cho vợ chồng bà Bá Thị S 1.862.500.000 đồng, bồi thường cho bà Lưu Thị Kim T1 2.000.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ số tiền 1.000.000.000 đồng bị cáo Bá Văn A1 sau khi chiếm đoạt của bà Võ Thị Bích H2 đã chuyển cho bà Đồng Thị Duyên A nên Tòa án cấp sơ thẩm truy thu buộc bà Đồng Thị Duyên A nộp lại 1.000.000.000 đồng để trả cho bà Võ Thị Bích H2 là có căn cứ, đúng pháp luật. Số tiền 400.000.000 đồng bị cáo Bá Văn A1 chiếm đoạt của bà Võ Thị Bích H2 do không có căn cứ về sự dịch chuyển của dòng tiền nên cấp sơ thẩm buộc bị cáo Bá Văn A1 bồi thường cho bà Võ Thị Bích H2 400.000.000 đồng là đúng pháp luật.

[4] Quá trình điều tra, xác định bị cáo Bá Văn A1 có vay bà Võ Thị Bích H2 6.550.000.000 đồng nói để đáo hạn ngân hàng, nhưng bị cáo A1 đã đưa số tiền này cho Lê Thị Hồng H vay lại, H chưa có tiền để trả cho Anh nên A1 chưa có để trả cho chị H2. Bị cáo A1 không có ý thức chiếm đoạt số tiền này, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định Bá Văn A1 không có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền này mà đây là tranh chấp dân sự là có căn cứ.

[5] Quá trình điều tra, còn nhận được đơn tố giác bị cáo Lê Thị Hồng H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị L2 số tiền 2.370.000.000 đồng, của bà Trịnh Thị N1 số tiền 1.900.000.000 đồng, của bà Văn Thị Ngọc N2 số tiền 600.000.000 đồng, của bà Đồng Thị Duyên A số tiền 7.246.500.000 đồng. Đơn của bị cáo Lê Thị Hồng H tố giác bà Huỳnh Thị N có hành vi cho vay lãi nặng số tiền 17 tỷ đồng; tố giác bà Huỳnh Thị N, bà Ngô Thị Phương T5, ông Huỳnh Văn T6 có hành vi cưỡng đoạt tài sản ép buộc bị cáo H ký giấy nợ vào ngày 16/09/2022 và ngày 30/11/2023 với tổng số tiền 22.400.000.000 đồng; tố giác bà Huỳnh Thị N, ông Nguyễn Tấn Đ1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 800.000.000 đồng, thông qua việc cho bà Võ Thị H1 (mẹ bị cáo H) làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Đ2 (B1) - Chi nhánh N5. Đơn bà Đồng Thị Duyên A tố giác Bá Văn A1 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 7.595.000.000 đồng. Kết quả điều tra cho thấy các giao dịch giao, nhận tiền, ký giấy nợ, làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng giữa bị cáo Lê Thị Hồng H và những người nói trên; các giao dịch giữa bị cáo Lê Thị Hồng H với Lâm Thị Ngọc B và Nguyễn Thị Thu T2; việc Đồng Thị Duyên A tố giác Bá Văn A1 lừa đảo thông qua vay mượn tiền, đây là những giao dịch, tranh chấp dân sự nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những hành vi trên là phù hợp.

[6] Ngoài ra, bà Bá Thị S có đơn tố giác Bá Văn A1, Huỳnh Thị N, Huỳnh Văn H4, Huỳnh Văn T6, Cao Thị Như Ý và Nguyễn Thị Thủy A2 có hành vi lừa đảo, đồng phạm với bị cáo Lê Thị Hồng H chiếm đoạt tiền; Lưu Thị Kim T1 tố giác Bá Văn A1 là đồng phạm tham gia lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà T1. Tuy nhiên, kết quả điều tra cho thấy những người trên không tham gia lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đồng phạm với Lê Thị Hồng H và Bá Văn A1.

[7] Ngoài ra, bị cáo Bá Văn A1, bị cáo Lê Thị Hồng H có đơn tố giác Nguyễn Thị T7 và Nguyễn Thị Thúy A4 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 2 tỷ đồng; Nguyễn Thị Hương D2 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 1,3 tỷ đồng. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự thành nguồn tin báo về tội phạm khác để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi cho bị hại vợ chồng bà Bá Thị S có yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi cho vay lãi nặng của bà Huỳnh Thị N, xét thấy nếu bà Huỳnh Thị N có dấu hiệu cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thì hành vi này độc lập với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Lê Thị Hồng H nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại mà cấp sơ thẩm đã kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật đối với bà Huỳnh Thị N là phù hợp, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 85/2025/HS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, như sau:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng H 15 (mười lăm) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng H phải bồi thường cho bị hại vợ chồng bà Bá Thị S, ông Quảng Đại Q số tiền 1.862.500.000 đồng.

- Buộc những người nhận tiền mà bị cáo Lê Thị Hồng H chiếm đoạt phải có trách nhiệm nộp lại và trả cho vợ chồng bà Bá Thị S, ông Quảng Đại Q, cụ thể: Bá Văn A1 nộp lại 1.200.000.000 đồng; bà Huỳnh Thị Ngọc N3 lại 6.674.840.000 đồng; bà Nguyễn Thị L2 nộp lại 42.660.000 đồng, bà Đồng Thị Duyên A nộp lại 700.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Lê Thị Hồng H bồi thường cho bị hại bà Lưu Thị Kim T1 số tiền 2.000.000.000 đồng;

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Bị cáo Lê Thị Hồng H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Thị hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo (thông qua trại tạm giam);
- Bị hại;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân